

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21-8-2025

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hải;

2. Ông Phạm Thành Đô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Huế- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Lào Cai. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Giàng Thị S, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Lào Cai; có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Mùa A C, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Lào Cai; có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-6-2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Giàng Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mùa A C về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng vợ chồng chị không có đăng ký kết hôn.

Sau khi về chung sống như vợ chồng chị và anh C chung sống với nhau tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Mùa A C nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, nên thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, lần gần đây nhất là cuối tháng 02 năm 2025 anh C đánh vào đầu chị. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mùa A C.

Về con chung: Chị và anh Mùa A C có 02 con chung là Mùa A R, sinh ngày 24-8-2014 và Mùa A T, sinh ngày 21-9-2017. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Mùa A R và Mùa A T và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Mùa A C tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Mùa A C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Giàng Thị S đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và chung sống như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không đến UBND xã đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng do kinh tế khó khăn nên vợ chồng đi làm ăn xa, sau khi về nhà vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 02 năm 2025 chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã S, tỉnh Lào Cai) ở cho đến nay không về chung sống cùng anh nữa. Anh C đã đến đón nhiều lần nhưng chị S không về. Nay chị S đề nghị được ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung anh và chị S có 02 con chung là Mùa A R, sinh ngày 24-8-2014 và Mùa A T, sinh ngày 21-9-2017. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Mùa A R và Mùa A T, anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18-7-2025 cháu Mùa A R và Mùa A T cùng trình bày: Đề nghị Tòa án hòa giải để bố mẹ về đoàn tụ vì các cháu muốn được sống cùng cả bố và mẹ, còn nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng bố, vì các cháu là con trai nên thích ở cùng bố và bố quan tâm chăm sóc đến các cháu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên hòa giải chị Giàng Thị S và anh Mùa A C cùng thống nhất thỏa thuận: Sau khi ly hôn giao cho anh Mùa A C được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Mùa A R và Mùa A T. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa chị Giàng Thị S vẫn giữ nguyên các nội dung đã trình bày như trong các biên bản đã khai và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, theo nội dung đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa anh Mùa A C vẫn giữ nguyên những nội dung đã trình bày trong biên bản ghi lời khai, không bổ sung thêm nội dung gì khác. Anh đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 5, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm:

Về tố tụng Tòa án thụ lý vụ án xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền; sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã thông báo việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 196 của BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thực hiện việc thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định về trình tự giải quyết vụ án dân sự, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị S và anh Mùa A C.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận giữa chị Giàng Thị S và anh Mùa A C theo đó giao cho 02 con chung là Mùa A R, sinh ngày 24-8-2014 và Mùa A T, sinh ngày 21-9-2017 cho anh Mùa A C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Giàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Giàng Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng: Nguyên đơn chị Giàng Thị S khởi kiện anh Mùa A C, địa chỉ thôn P, xã T, tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập là thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái); đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái nay là Tòa án nhân dân khu vực 5- Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào 1 Điều 228, Điều 338 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị S và anh Mùa A C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014; việc chung sống như vợ chồng được thể hiện tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy khai sinh của các con, giấy xác nhận thông tin về cư trú và lời khai của các đương sự. Tuy nhiên giữa chị S và anh C không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy hôn nhân giữa chị Giàng Thị S và anh Mùa A C là không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Quá trình chung sống chị S và anh C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C nghi ngờ chị S có quan hệ ngoại tình với người khác nên thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ. Tại phiên tòa chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn anh Mùa A C theo nội dung đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Đối chiếu với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị S và anh Mùa A C.

[4] Con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giữa chị Giàng Thị S và anh Mùa A C có 02 con chung là Mùa A R, sinh ngày 24-8-2014 và Mùa A T, sinh ngày 21-9-2017. Quá trình giải quyết vụ án chị S và anh C thống nhất thỏa thuận giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Mùa A R và Mùa A T. Chị Giàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận giữa chị S và anh C phù hợp với nguyện vọng của con trên 7 tuổi, sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hội đồng xét xử công nhận.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí và quyền kháng cáo:*

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 262; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị S và anh Mùa A C.

2.2. Con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung là Mùa A R, sinh ngày 24-8-2014 và Mùa A T, sinh ngày 21-9-2017 cho anh Mùa A C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật. Chị Giàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Giàng Thị S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2023/0000496 ngày 11-6-2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Chị Giàng Thị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Mùa A C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- VKSND khu vực 5;
- Thị hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Trạm Tấu;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2).

Nguyễn Văn Lên